

ĐẠO CAO ĐÀI: MỘT HÌNH THỨC TÔN GIÁO–TƯ TƯỞNG MỚI Ở VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI

Nguyễn Tài Thu^(*)
Trương Văn Chung^(**)

Nửa đầu thế kỉ XX, ở vùng đất Nam Kỳ xuất hiện một số tôn giáo bản địa, trong đó quy mô nhất là đạo Cao Đài. Cao Đài: một tôn giáo – tư tưởng mới đã từng gây xôn xao dư luận lúc ra đời và đã tạo được thế đứng trong lòng dân tộc cho đến ngày nay, cần được nhìn nhận và phác họa về mặt tư tưởng.

1. Điều kiện và sự ra đời của đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài ra đời ở vùng đất Nam Kỳ đầu thế kỉ XX, đó không phải là hiện tượng ngẫu nhiên. Ở đó, tất có điều kiện khách quan chi phối.

Không giống bất cứ vùng nào khác trên đất nước ta, vùng đồng bằng sông Cửu Long là mảnh đất mới khai phá. Tuy phủ Gia Định của Chúa Nguyễn đã có từ thế kỉ XVII, nhưng đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, dân số mới trở nên đông đúc. Số dân đông ấy lại phức tạp, từ nhiều nguồn gốc khác nhau, người Trung Kỳ, Bắc Kỳ đến, người Hoa chạy nạn nhà Thanh sang, tất cả họ sống lẫn với những người Khmer và người Chăm đang định cư tại đây. Là người lao động, họ muốn hoà hợp, tương trợ nhau, để có lợi cho mình và cho người, nhưng những khác biệt về dân tộc, tôn giáo đã ngăn cản họ. Trong tình hình như vậy, một tôn giáo, một tư tưởng mới nào đó xuất hiện có thể đáp ứng được nguyện vọng của họ, xoá đi những khác biệt, xích gần họ lại với nhau thì họ sẽ tin theo.

Đạo Phật thì đã thoái hoá đến mức khiến nhiều người ca thán, đến nỗi một số phật tử phải nêu lên vấn đề chán hưng. Đạo Khổng, một học thuyết chính trị - đạo đức có yếu tố tôn giáo, luôn bảo vệ quyền lợi và trật tự phong kiến, ngăn trở sự vận động của xã hội đương thời, một số giáo lí của nó đã bị phê phán nên khó đi vào quần chúng đông đảo. Đạo Kitô thì gắn với chính quyền thực dân Pháp, mang tư tưởng và tập tục chặt chẽ của người phương Tây, khó đi vào người nông dân Nam Kỳ vốn sống cởi mở và tự do.

Tôn giáo, tín ngưỡng được yêu chuộng ở đất Nam Kỳ đầu thế kỉ XX là Minh giáo và Thông linh học⁽¹⁾. Minh giáo là một hình thức của Đạo giáo Trung Quốc

*. GS, TS. Viện Triết học.

** . PGS. TS. Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh.

theo chân Hoa Kiều vào Việt Nam trước thế kỉ XX. Sau khi vào Nam Kỳ, tôn giáo này chia làm nhiều chi phái, như Minh Đường, Minh Thiện, Minh Lí, Minh Sư, Minh Thánh, ... song tất cả đều có chung một số tính chất, đó là hỗn dung tư tưởng trên cơ sở Đạo giáo, là dùng hình thức cầu cơ⁽²⁾ để xem số, đoán mệnh. Thông linh học là một lí thuyết của phương Tây, cho rằng con người chết đi chỉ là chết thể xác, còn linh hồn thì sống mãi, chỉ cần có lòng thành và thông qua hình thức xây bàn⁽³⁾ là có thể biết được ý của thần và của người đã chết.

Minh giáo là tín ngưỡng phổ biến của Hoa Kiều ở đất Nam Kỳ. Người Hoa ở Sài Gòn và ở đồng bằng sông Cửu Long lúc bấy giờ tuy có số lượng không lớn, song sau lưng họ là một nền văn hoá đồ sộ của Trung Hoa. Nền văn hoá và tín ngưỡng này có một sức truyền cảm mạnh mẽ đối với người dân bản địa. Thông linh học có vẻ như là một khoa học, vì vậy nó có khả năng đem lại cho đồng bóng và Đạo giáo một sự biện hộ mới, một sức sống mới, khiến cho nhiều người phải hăm mộ. Nhưng riêng rẽ từng tín ngưỡng trên có phạm vi ảnh hưởng rất hạn chế. Chúng cần kết hợp lại với nhau, bổ sung cho nhau, làm tiền đề cho nhau để sản sinh ra một thứ tín ngưỡng mới đáp ứng yêu cầu sinh hoạt tâm linh của nhiều người đương thời và xu thế đi đến sự kết hợp hai thứ tín ngưỡng đó ngày một rõ. Vấn đề còn lại là phải có những con người thực hiện sự kết hợp đó.

Đi đầu trong hoạt động sáng lập tôn giáo này là Ngô Văn Chiêu (1878-1934). ông đậu bằng tiểu học rồi bằng Thành chung Pháp, từng làm việc cho Pháp qua các chức ở Sở Nhập cư Sài Gòn, Thư kí toà Bố Chính, Tân An, Đốc phủ Phú Quốc rồi viên chức Phòng Thương mại Sài Gòn. ông ngồi đàn cầu cơ từ năm 24 tuổi (năm 1902), sùng tín các vị thần của Đạo giáo, như các thần Bát Tiên, Quan Thánh, Quan âm, Văn Xương Đế Quân, thực hiện ăn chay lâu dài và đưa ra biểu tượng "thiên nhân", tượng trưng cho sự sáng suốt của Trời, nêu lên cảnh Bồng Lai, xem đó là thế giới lí tưởng mà con người phải phấn đấu vươn tới, đồng thời đặt tên cho vị thần cao nhất của mình là "Cao Đài Tiên ông, Đại Bồ tát ma ha tát". ông đã đặt cơ sở đầu tiên cho sự xuất hiện đạo Cao Đài.

Cùng với Ngô Văn Chiêu và chỉ sau ông ít năm là các ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang,... cũng đi theo con đường tạo lập

¹. Thông linh học: Spiritisme, còn có người gọi là Thần linh học, Tinh linh học.

². Cầu cơ: Còn gọi là Phù kê, Phù loan, Phù cơ, một hình thức của người ngồi đồng bóng, dùng cơ bút viết chữ lên trên bàn cát để thể hiện ý của Thần, của người chết đối với người sống. Cách thức cầu này rất phổ biến trong những sĩ phu thời Minh, Thanh (Trung Quốc).

³. Xây bàn: Một hình thức của người theo Thông linh học phương Tây, dùng tiếng gõ của chân chiếc bàn ba chân do 2 người điều khiển, quy ước để chuyển dịch ra các kí tự, rồi ghép các kí tự lại với nhau thành chữ để biết được ý của thần linh. Hình thức cầu thần này đã lưu hành trong số công chức Pháp, Việt ở nước ta đầu thế kỉ XX. Về sau, khi Minh giáo và Thông linh học sáp nhập thì người ta dùng phương pháp cơ bút thay thế cho phương pháp xây bàn.

đạo mới này. Lê Văn Trung (1876-1934) tốt nghiệp Thành chung, làm thư kí Dinh Thống đốc Nam Kỳ, uỷ viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, rồi Nghị viện Hội đồng Thượng nghị viện Đông Dương, có cửa hàng kinh doanh thương nghiệp, làm ăn thua lỗ, bị Pháp kìm kẹp, thường ngồi đàn cầu cơ và thờ các vị thần Đạo giáo như Quan Vân Trường, Quan âm và Lí Thái Bạch. Phạm Công Tắc (1899-1959), vốn theo đạo Kitô, đậu bằng Thành chung, làm việc ở Sở Thương chính Sài Gòn, không theo sự sai khiến của Pháp, bị đày sang Madagascar, sau đổi thành công chức ở Phnôm Pênh, Campuchia. Cao Quỳnh Cư (1888- 1929) làm thư kí ở Sở Hoả xa, Sài Gòn, ham thích Thông linh học phương Tây, thường tổ chức xây bàn nói chuyện với vong linh người chết. Cao Hoài Sang (1901 - 1971) học trường Sư phạm, đậu bằng Thành chung, làm việc ở Sở Thương chính Sài Gòn, thăng ngạch Tham tá. Ông này cũng thường tổ chức xây bàn, làm thơ đoán mệnh từ năm 1925.

Như đã diễn ra trong lịch sử, Ngô Văn Chiêu là người đầu tiên xây dựng lí thuyết cho đạo Cao Đài. Nhóm Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, v.v... phải dựa vào ý tưởng và lí lẽ ban đầu của Ngô Văn Chiêu để thuyết minh đạo và tôn xưng ông là giáo tông, là anh cả, song khi tổ chức hình thành thì do mâu thuẫn nhau mà Ngô Văn Chiêu không tham gia vào tổ chức của nhóm Lê Văn Trung.

Nắm được tâm lí tín ngưỡng của quần chúng nông dân Nam Kỳ, ngày 7/10/1926, Lê Văn Trung thay mặt 28 người sáng lập, gửi tờ khai đạo lên Thống đốc Nam Kỳ. Ngày 18/11/1926, phái Tây Ninh của Lê Văn Trung làm lễ khánh thành thánh thất đầu tiên ở chùa Từ Lâm, Gò Kén, Tây Ninh. Số tín đồ phát triển rất nhanh trong một thời gian ngắn.

2. Nội dung tư tưởng của đạo Cao Đài

Mỗi tôn giáo khi ra đời đều mang một tên gọi. Các nhà sáng lập ra đạo Cao Đài tìm thấy tên gọi của đạo này từ hai câu thơ trong đạo Minh sư của người Hoa: "Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng, Đài tại Nam phương đạo thống truyền"⁽⁴⁾, ghép hai chữ đầu của hai câu thơ trên thành "Cao Đài". Về tính chất, theo các nhà sáng lập đạo Cao Đài, nó phải bao quát được tất cả các đạo đương thời và họ dùng cơ bút để thể hiện: "Đức chí tôn dùng huyền diệu cơ bút giảng trần giáo đạo, ta danh là "Cao Đài Tiên Ông, đại Bồ tát Ma ha tát, hiệp quy tam giáo, thống nhất Ngũ chi"⁽⁵⁾. Về giáo chủ, nó mệnh danh là "Ngọc hoàng thượng đế giáo đạo Nam phương". Khi xuất hiện trước tín đồ, giáo chủ xưng là "Thầy".

Để phát huy được vai trò, đạo Cao Đài cho mình là "Tam kì phổ độ", nghĩa là sự cứu vớt xuất hiện lần thứ ba trong lịch sử loài người, thay thế cho sự cứu

⁴. Trần Văn Rạng. *Đại đạo sử cương*. Q. 1. Đại đạo năm thứ 14, 1970, tr. 18.

⁵. Thái Đền Thanh. *Giảng đạo chơn ngôn*. Hội Thánh giữ bản quyền, 1977, tr. 5.

vượt lên thứ nhất của Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) trong thời thượng cổ và lần thứ hai trong sự chấn hưng Tam giáo ở thời Trung cổ cùng với đạo Kitô ở phương Tây. Dù ra đời sau và muốn thay thế vai trò của các tôn giáo đã có, song không có nghĩa là đạo Cao Đài gạt bỏ các tôn giáo đó mà là tập hợp và dung chứa chúng: "Trộn tuân luật pháp chân truyền Đại đạo Cao Đài với tôn chỉ quy nguyên Tam giáo, hiệp nhất ngũ chi"⁽⁶⁾; "Đại đạo tam kì phổ độ" vì thế được xem là tên khác của đạo Cao Đài.

Trong lí thuyết cũng như sự thờ tự nơi thánh thất Cao Đài đều thấy thờ hình tượng "Con mắt", tức "Thiên nhân". Sở dĩ dùng biểu tượng này, vì con mắt là cơ quan cảm giác có thể đưa lại cho con người nhiều hiểu biết nhất về thế giới bên ngoài, vì con mắt có thể quan sát được chân tướng mỗi người. Đạo Phật có Phật Quan âm nghìn mắt, nghìn tay; nghìn mắt để thấy được hết khổ của con người, nghìn tay để có nhiều phương tiện cứu vớt con người. Hình tượng trên của đạo Phật chắc là một sự gợi mở cho đạo Cao Đài thờ con mắt trời. Các nhà tư tưởng của nó đều nêu lên tầm quan trọng của "Thiên nhân": "Con hiểu thân cư tại nhân. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ nguồn cội Tiên, Phật do yếu nhiệm là tại đó"⁽⁷⁾, "nay như hỏi tại sao thờ Thiên nhân, lại gọi là thờ Trời, thì Thánh Ngôn nói rằng: Nhân thị chủ tâm, Lương quan chủ tế, Quang thị thân, thần thị Thiên, Thiên giả Ngã giả (con mắt làm chủ cái tâm, hai tròng con mắt là chúa tế, ánh sáng tức là Thân, Thân tức là Trời, Trời tức là Ta)"⁽⁸⁾. Nguyễn Văn Kiệt còn giải thích thêm: "Thiên nhân chúng tôi thờ đây là mắt của Đức Ngọc Hoàng thượng đế, Ngài là đấng tối cao chúa tế muôn loài: con mắt của Ngài sáng như gương, soi khắp thế giới, không một mảy may gì ở dưới phạm trần này mà Ngài không biết đến, trên điện thờ Thiên nhân, kẻ tín đồ hàng ngày ra vô nhìn vào thì tự nhiên thấy như có lời văng vẳng bên tai nói rằng các con dưới phạm trần làm điều phải điều trái, đừng tưởng Thầy không biết đâu"⁽⁹⁾. Có thể nói, sự khác biệt giữa Cao Đài và các tôn giáo khác là ở chỗ thờ con mắt Trời.

Lí thuyết của đạo Cao Đài là sự dung hợp các giáo lí của các tôn giáo có mặt ở Việt Nam lúc bấy giờ. Ở đây là sự dung hợp, sự hoà trộn, chứ không phải là "sự khoan dung" như có người quan niệm, vì đó không phải là một thái độ đạo đức. Trong ý thức, những người sáng lập ra đạo này muốn dung chứa hết thảy các tôn giáo có mặt ở Việt Nam, nhưng trong thực tế, họ không làm được. Phần vì có một số đạo của thế giới mới truyền vào, họ không am hiểu, như đạo Islam (đạo Hồi), đạo Hindu (Ấn Độ giáo), phần vì các đạo còn lại do nội dung khác

⁶. Trần Văn Rạng. *Đại đạo sử cương*, Q. 2, 1970, tr. 17.

⁷. *Thánh ngôn hiệp tuyển*, Q. 1, Tòa Thánh Tây Ninh, 1973.

⁸. Tiếp pháp Trương Văn Tràng. *Giáo lí*. Tái bản lần thứ 5, Tòa Thánh Tây Ninh, 1970, tr. 33.

nhau nên khó dung hợp trọn vẹn; ở đó chủ yếu là sự dung hợp với Đạo giáo và đạo Phật về mặt tư tưởng, thấu nạp đạo Kitô về mặt tổ chức, và kế thừa đạo Nho về mặt đạo đức.

Trong truyền thống sự dung hợp tam giáo Nho, Phật, Đạo lại làm một với tên là: "Tam giáo đồng nguyên" cũng chỉ là một cách nói để khẳng định một tôn giáo nào đó đứng lên trên và bao trùm tất cả, như ở thời Trần "đồng nguyên" trên cơ sở Phật, ở cuối thời Lê "đồng nguyên" trên cơ sở Nho, thực chất là để khẳng định vai trò bao trùm của Phật hay của Nho. "Quy nguyên tam giáo", "Hiệp nhất ngũ chi"⁽¹⁰⁾ của đạo Cao Đài trong thực tế là đề cao Đạo giáo, khẳng định vai trò bao trùm của Đạo giáo. Về điểm này đã có người chỉ ra.

Để thu hút quần chúng, đạo Cao Đài không thể không quan tâm đến con người. Nhân danh vị thần sáng lập ra đạo, các nhà lãnh đạo của tôn giáo này đã dùng cơ bút thể hiện lên trách nhiệm của mình: "Ta vì lòng đại từ đại bi, vẫn lấy đức hiếu sinh mà dựng lên mối Đại đạo tam kì phổ độ" (Cơ bút: ngày 6/12/1926). "Thầy thì lấy từ bi mà dìu dắt các con, nên tạm sửa chiếc máy huyền vi, là để cho các con lấy chí Thánh của Thầy hun đúc bấy lâu, mà đối đãi với kẻ nghịch cho đến ngày mãn công quả" (Cơ bút: ngày 12/4/1927). Nói như thế, một phần là để tin đồ yên tâm, tin tưởng, phần khác để thấy tính cần thiết phải giải quyết một số vấn đề về con người có liên quan tới sự tin ngưỡng.

Đối với đạo Cao Đài, con người có hai phần, phần xác và phần hồn; phần xác sẽ mất đi, còn phần hồn thì sống mãi. Đạo này nói: "Mỗi kẻ phần dưới thế này đều có hai xác thân: một phạm gọi là corforal. Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phạm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy dạng mà cũng có thể không thấy dạng" (cơ bút 17/7/1926). "Sự chết, thường thế gian gọi chết là hết, là vì dốt không biết đạo nên tưởng lầm" (Cơ bút 22/7/1926). Luận điểm này không có gì mới. Truyền thống đã quan niệm như vậy. Điều khác là, nó dựa vào Thông linh học để biện hộ: "Đạo Cao Đài cứ vào Thần linh học mà Thần linh học là một khoa học, và một triết lí"⁽¹¹⁾. "Thần linh học làm cho ta thấy chắc chắn rằng linh hồn có thực, tuy xác chết mà hồn vẫn còn và giữa những người sống và người chết vẫn còn giao cảm được"⁽¹²⁾. Chủ nghĩa duy tâm truyền thống của dân tộc nhờ Thông linh học đương thời mà có thêm sức sống.

⁹. Nguyễn Văn Kiệt. *Chánh tà thiết luận*, 1930. Trích theo Trần Văn Giàu. *Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 186.

¹⁰. Người sáng lập đạo Cao Đài xem Ngũ chi đại đạo là Nhân đạo (đạo Nho), Thần đạo (đạo của Khương Tử Nha), Thánh đạo (đạo Kitô), Tiên đạo (Đạo giáo), Phật đạo. Thực ra "Thần đạo" và "Tiên đạo" chỉ là tên gọi khác của Đạo giáo.

¹¹. Trần Văn Rạng. *Đại đạo sử cương*, Q. 2, 1970, tr. 23.

¹². Trần Văn Rạng. *Đại đạo sử cương*, Q. 2, 1970, tr. 23.

Trong hai phần của con người, Cao Đài không những không lo, không quan tâm đến phần xác thân mà còn kêu gọi vứt bỏ xác thân và chỉ chủ trương tập trung tu tỉnh phần hồn, bởi vì nó quan niệm rằng, chỉ ở đó mới sinh hoa kết trái, mới thiêng liêng. Cơ bút nói: “Bạc chân tu tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông rồi sinh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác thân, mà bông trái thiêng liêng, các con sanh hoá chân thân, chân thân lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài” (Cơ bút: ngày 22/7/1926).

Cũng như các tôn giáo khác, Cao Đài chủ trương con người ta sống qua hai thế giới, thế giới hiện tại và thế giới mai sau, hạnh phúc của con người không phải ở hiện tại, không cần tìm ở hiện tại mà phải hướng về thế giới mai sau. Cơ bút nói: “Thầy lại thường nói rằng sự sang trọng vinh hiển của các con chẳng phải nơi thế gian này” (cơ bút 17/01/1927). Như vậy, thế giới mai sau mới là mục tiêu cần phải phấn đấu, phải vươn tới.

Thế giới mai sau được miêu tả khác với thế giới trần tục. ở đó không còn khổ, chỉ có sướng, không những thế, còn là cực lạc. Đạo Cao Đài gọi thế giới cực lạc đó là Bạch Ngọc Kinh. Trong tư liệu của đạo Cao Đài có nhiều chỗ nói tới tên này. Thí dụ: “Cửa Bạch Ngọc Kinh ít kẻ, chớ chốn A tì vốn nhiều người” (Cơ bút: 5/7/1926); “Cửa Bạch Ngọc kinh chẳng phải ai vô cũng dặng” (Cơ bút: 27/8/1926); “Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ưa chứa kẻ hung hăng” (Cơ bút: 4/10/1926); “Nơi Bạch Ngọc Kinh hơn sáu chục năm trước, Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nạn. Thầy, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời” (Cơ bút: 4/10/1926), v.v... “Bạch Ngọc Kinh” vốn là một cuốn kinh của Đạo giáo miêu tả cảnh sống thanh thoi, hạnh phúc của thần tiên, ở đây đã biến thành một thế giới lí tưởng. Điều trên cho thấy thế giới mai sau của đạo Cao Đài là thế giới lí tưởng của Đạo giáo.

Bên cạnh việc xây dựng niềm tin ở thế giới mai sau, đạo Cao Đài luôn nhắc nhở người ta phải tu dưỡng đạo đức. Lời nhắc nhở ấy được thể hiện ở nhiều chỗ. Có thể nêu ra một số: “Chung hiệp rán vun nền đạo đức, Bên lòng son sắt đến cùng ta” (Cơ bút: 20/02/1926); “Vào vòng huynh đệ khá thương nhau, một đức trối hơn một phẩm cao” (Cơ bút: 20/02/1926); “Từ đây phải tin tưởng một Thầy và nghe lời Thầy dạy: giữ đạo đức cho bền, còn ngoại trừ sự chi nghịch với Chân đạo thì mưu chước tà quái” (Cơ bút: 27/01/1927), v.v... Như vậy, trau dồi đạo đức là một trong những điều kiện để trở thành một tín đồ thực thụ.

Đạo đức đó trước hết là những điều gần gũi và cần thiết cho đời sống của người dân và cũng đã tồn tại lâu dài trong cuộc sống của dân tộc, nhưng theo họ vì một lí do nào đó mà có người đã quên đi, thấy cần phải nhắc lại. Đó là phải nhường nhịn nhau, phải tương thân, tương ái, v.v...

Nhưng sâu hơn nữa là những lời giáo huấn đạo đức có hệ thống của Phật giáo, Nho giáo và một phần của Kitô giáo được thể hiện trong sách “Tân luật”¹³. Ở đây “Ngũ giới” của Phật giáo được nhắc lại và giảng giải thêm: “Nhất bất sát sanh, là chẳng nên sát hại sanh vật; Nhị bất du đạo, là cấm trộm cướp, lấy ngấm, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm của rơi... Tam bất tà dâm, là cấm lấy vợ người, thả theo đàn đĩm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, ...; Tứ bất tử nhục, là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ,...; Ngũ bất vọng ngữ, là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người...” đạo đức của Nho giáo cũng được yêu cầu thực hiện: “Phải giữ tam cương ngũ thường là nguồn cội của nhân đạo; nam thì hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm sỉ, nữ thì tòng phụ, tòng phu, tòng tử và công, dung, ngôn, hạnh”, hoặc: “Ra giao thiệp với đời thì phải tập và giữ tánh ôn, lương, cung khiêm, nhượng”, v.v... Lấy huấn điều đạo đức của Phật giáo, Nho giáo, ... làm quy tắc đạo đức của mình, vì trong xã hội đương thời những nguyên tắc đạo đức đó vẫn còn có ý nghĩa, phần khác vì những người sáng lập ra đạo Cao Đài lúc đó chưa đủ điều kiện để thay đổi đạo đức xã hội vốn có.

Dung hợp các thành phần của các tôn giáo khác làm nội dung của mình trong đạo Cao Đài, tuy là hiện tượng mới mẻ trong thời kỳ Cận -Hiện đại ở nước ta, nhưng trong lịch sử tôn giáo và tư tưởng của á Đông không phải là điều hiếm thấy. Chủ trương “Tam giáo đồng nguyên” (Nho, Phật, Đạo đều cùng một nguồn mà ra) trong thời kỳ phong kiến á Đông là một thí dụ. Đặc biệt là Đạo giáo, nó đã từng nhiều lần thực hiện sự dung hợp. Đạo giáo thần tiên của Cát Hồng (Trung Quốc) ở thế kỉ IV, chủ trương kết hợp lí luận của Đạo giáo với cương thường của Nho giáo. “Đạo Toàn chân” của Vương Trùng Dương (Trung Quốc) ở thế kỉ XII, chủ trương kết hợp Nho, Đạo, Thích, khuyên nhủ cùng tu trì “Đạo đức thanh tĩnh kinh” (Đạo giáo), “Bát nhã tâm kinh” (Phật giáo) và “Hiếu kinh” (Nho giáo), cùng thực hiện “Thức tâm” (Nho) và Kiến tính” (Phật). Ngoài ra, với những mức độ khác nhau nó còn tiếp thu tư tưởng của Mặc gia, Âm dương gia, Ngũ hành gia, Y gia, Phương kĩ gia, v.v... Đó là việc làm có trước đạo Cao Đài.

Với cách làm giống như một số chi phái của Đạo giáo trong lịch sử, với việc tôn sùng các tư tưởng của Đạo giáo, có thể xem đạo Cao Đài như một hình thức mới của Đạo giáo ở Việt Nam.

3. Vai trò xã hội của đạo Cao Đài

Nhà triết học Hêghen đã từng nói: Cái tồn tại là cái hợp lí. Đạo Cao Đài tồn tại và phát triển được là có lí do của nó. Một số nhà nghiên cứu đi trước đã đưa

¹³. *Tân luật pháp chánh truyền*. Dẫn theo Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1995, tr. 383-396.

ra lí do này. Nguyễn An Ninh trong sách “Tôn giáo” viết: “Dân đã mê muội trong tôn giáo, mà các tôn giáo, các đạo lí của nước nhà đều suy sụp, làm sao mà không theo đạo Cao Đài được. Không từng thấy, không suy ra, gặp đạo Cao Đài có màu mới mẻ, mà lại dễ dàng cho tâm trí như ngựa quen đường cũ. Đạo Cao Đài là cái nhà cũ của dân mê tín mà sơn lại mới, mọi vật cũ ngày xưa, nay đều mang một cái tên mới; coi nó mới mà lại có quen”⁽¹⁴⁾. Trần Văn Giàu nhận định: Dân Nam Kỳ vốn có gốc từ Bắc và Trung lưu tán vào, họ là những người ít học, ít chịu ảnh hưởng của đạo Nho, nhưng tín ngưỡng ma thuật thì nặng nề, lại phần nào tiếp xúc với tín ngưỡng Chăm, Miên cộng với việc ưa thích những tư tưởng huyền bí, những nhân vật hấp dẫn của “Truyện Tàu” lúc bấy giờ đã tạo cơ sở cho sự lưu hành đạo Cao Đài, còn ở Bắc Kỳ thì do sự hiểu biết sâu sắc đối với “Tam giáo”, đã ngăn trở sự truyền bá của một tôn giáo như trên, nên càng ra phía Bắc thì đạo Cao Đài càng yếu đến mức không có số tín đồ đáng kể⁽¹⁵⁾. Những ý kiến nhận định trên là quan trọng và sâu sắc. Nhưng trải qua gần một thế kỉ, cục diện vẫn còn tồn tại và phát triển. Phải chăng ở đó còn có những nguyên nhân khác, những nguyên nhân sâu xa hơn khiến họ đi đến chấp nhận.

Về phương diện tín ngưỡng, người Nam do tiếp xúc với phương Tây sớm hơn, tâm trạng thanh thoát hơn, nên sốt sắng hơn người Bắc. Cao Đài chính là sự thể hiện của một tâm lí tín ngưỡng không thua kém của người Nam Bộ. Tâm lí này đã từng bộc lộ ở nhiều nơi, nhiều lúc. Chẳng hạn Cơ bút nêu: “một Chơn Thần Thầy mà sinh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn thể nhân loại trong càn khôn thế giới” (Cơ bút: 22/07/1926); “Các con phải đội rồi nhân loại khắp cả năm châu” (Cơ bút: 25/07/1926); “Khai thiên địa vốn Thầy, sinh Tiên, Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một Chơn Thầy mà biến càn khôn thế giới và cả nhân loại”. Không những thế, Thầy còn tỏ ra tin tưởng:

“Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc

Ngày sau làm chủ mới lạ kì”

Tư tưởng xem đạo mình cao hơn các đạo khác, tư tưởng cho mình sẽ làm chủ thiên hạ đã đánh trúng vào tâm lí muốn bằng người hoặc hơn người của một bộ phận dân cư trong dân tộc.

Một nguyên nhân khác là ở ngôn ngữ và nội dung giáo lí. Ngôn ngữ của đạo Cao Đài là một thứ khẩu ngữ, gần gũi với tiếng nói hàng ngày của người dân khiến họ dễ nghe, dễ tiếp thụ. Cách xưng hô của vị thần sáng lập ra đạo, tuy mang danh là “Ngọc Hoàng thượng đế”, nhưng đối diện với tín đồ chỉ xưng

¹⁴. Xem Trần Văn Giàu. *Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước nhiệm vụ lịch sử*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 195.

¹⁵. Trần Văn Giàu. Sđd, tr. 197-198.

là “Thầy”, một cái tên bình thường, giống như thầy đồ, thầy địa, thầy lang, dễ được tín đồ ghi nhớ, thân cận. Còn về nội dung giáo lí, nói chung đơn giản, dễ hiểu, quần chúng dễ tiếp thụ. Tuy giáo lí tự cho là bao gồm các Chư Tiên, Chư Phật, Chư Thánh, v.v... nhưng những điều uyên áo, cao siêu của Đạo giáo, Phật giáo, Kitô giáo lại không được đề cập, ở đó chỉ còn là những điều căn dặn về cách sống và lễ nghi hàng ngày mà người dân phải tin theo. Một ngôn ngữ và một nội dung của đạo như thế dễ đi vào lòng những người vốn chân thật, chất phác và trình độ dân trí chưa cao.

Dung hợp trong tư tưởng của đạo Cao Đài thể hiện ở chỗ đưa những bộ phận không có liên quan gì với nhau vào trong cùng một nội dung rồi cho rằng chúng giống nhau để chứng minh cho một vấn đề nào đó, như ở trong thánh thất, người ta đem thờ Lão Tử, Phật tổ, Khổng Tử, Giêsu, v.v... vào cùng một chỗ, cho rằng những thánh nhân ấy đều cần cho con người; hoặc ở trước cửa chính của Thánh thất có bức họa vẽ ba nhân vật: Nguyễn Bình Khiêm (nhà tư tưởng của Việt Nam ở thế kỉ XVI), Tôn Trung Sơn (nhà tư tưởng cách mạng Trung Quốc đầu thế kỉ XX) và Vitor Huygo (nhà văn Pháp ở thế kỉ XVIII) đều hướng nhìn vào hai cụm từ bằng chữ Pháp “Dieu et Humanité” (Thượng đế và nhân loại) và “Amour et Justice” (Tình yêu và Công lí), xem như là mục tiêu mà con người cần phải phấn đấu để giành lấy. Dung hợp này khác với sự dung hợp trong lí thuyết “Tam giáo nhất nguyên” của truyền thống. Quan niệm của “Tam giáo nhất nguyên” cho rằng Nho, Phật, Đạo đều cần thiết, đều là các bộ phận hợp thành của thế giới quan con người, mỗi bộ phận trong đó đều có một chức năng riêng, không thể lấy chức năng này thay cho chức năng kia. Còn ở đạo Cao Đài thì tất cả các tôn giáo đều như nhau và nó đều có thể thay thế tất cả.

Những nguyên nhân trên có chính, có phụ khác nhau, song tất cả chúng đều là điều kiện để tạo nên sức sống của đạo Cao Đài, khiến nó tồn tại được trên dưới 8 thập kỉ, thu hút được tín đồ không những ở vùng Sài Gòn, Tây Ninh mà còn lan ra cả một số tỉnh Nam Bộ và một vài tỉnh Miền Trung.

Cao Đài là một tổ chức tôn giáo, một lực lượng tôn giáo, vốn chỉ nhằm mục đích giúp con người hướng tới mục tiêu tu luyện để được về thế giới bên kia, nhưng nó cũng là một lực lượng xã hội có tổ chức. Trong thực tế mấy chục năm nay, nhiều hệ phái của đạo này đã chú ý đến các mặt có lợi cho sinh hoạt cộng đồng, như nhắc nhở nhau tu sửa đạo đức, nhấn mạnh các điều anh em trong đạo phải thương yêu nhau, phải tương thân, tương ái, phải từ bi, phải trau dồi đạo đức, chú ý chăm sóc tín đồ lúc ốm đau, hoạn nạn, chăm sóc phần hồn của người chết, chú trọng việc thực hiện “Tân luật”, làm cho sinh hoạt có kỉ cương, v.v... Những điều đó vẫn rất cần ở xã hội ngày nay.